

Bản án số: **16/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/8/2017.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Xê.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **N.T.T**– Sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn 1, xã SP, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **N.B.T.A**– Sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn 1, xã SP, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị **N.T.T trình bày:**

1. Về tình cảm:

Chị và anh N.B.T.A kết hôn ngày 28/8/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SP, huyện HĐ, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không quan tâm nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thay đổi được. Hiện nay, chị và anh TA đã sống ly thân. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Bá Tú Anh.

Về con chung: Chị và anh N.B.T.A có 01 con chung là cháu N.T.T, sinh ngày 23/6/2015. Nếu ly hôn, chị đề nghị anh N.B.T.A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị chưa có công ăn việc làm nên chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh TA có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

****Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh N.B.T.A nhưng anh TA không đến làm việc, do đó Tòa án không lấy được lời khai. Ngày 17/8/2017, anh N.B.T.A có Đơn đề nghị với nội dung:***

Về tình cảm: Anh và chị N.T.T tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh đề nghị được nuôi con chung là cháu N.T.T, sinh ngày 23/6/2015 và không yêu cầu chị N.T.T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại Biên bản làm việc ngày 03/8/2017, UBND xã SP, huyện HĐ, thành phố Hà Nội cung cấp:***

Anh N.B.T.A có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại Thôn 1, xã SP, huyện HĐ, TP. Hà Nội. Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh TA không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân.

**** Tại Biên bản xác minh ngày 03/8/2017, bà Nguyễn Thị Hòa - mẹ anh N.B.T.A cung cấp:***

Anh N.B.T.A (con bà) và chị N.T.T kết hôn ngày 28/8/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SP, huyện HĐ, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân,

nếu chị T cương quyết xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD phát biểu ý kiến:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án:

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã chứng minh được mâu thuẫn giữa chị T và anh TA đã tới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh TA là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giao anh N.B.T.A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu N.T.T, sinh ngày 23/6/2015, ghi nhận anh TA không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N.T.T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”, anh N.B.T.A có HKTT tại xã SP, huyện HD, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện HD, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh N.B.T.A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh TA là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị N.T.T và anh N.B.T.A kết hôn ngày 28/8/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SP, huyện HĐ, TP. Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh TA chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau dẫn đến không quan tâm, chăm sóc nhau, không hạnh phúc nên chị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, chị T kiên quyết xin ly hôn anh TA, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh TA đều vắng mặt, từ chối đến Tòa án làm việc, anh TA có Đơn đề nghị thể hiện quan điểm về quan hệ hôn nhân không có hạnh phúc, đã sống ly thân và đồng ý ly hôn chị T. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.* Như vậy hiện tại chị T và anh TA đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng; bản thân anh TA đều vắng mặt tại các buổi hòa giải và anh TA cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh TA đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị T được ly hôn anh TA là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị N.T.T và anh N.B.T.A có 01 con chung là cháu N.T.T, sinh ngày 23/6/2015. Khi ly hôn anh TA và chị T cùng thống nhất anh TA nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy: Hiện cháu N.T.T do anh N.B.T.A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định cùng anh TA nên xét không cần thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung để đảm bảo sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn tâm lý không cần thiết cho cháu. Do đó, cần tiếp tục giao cháu N.T.T cho anh TA trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N.B.T.A không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị N.T.T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị N.T.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị N.T.T được ly hôn anh Nguyễn B TA.

2. Về con chung: Giao cháu N.T.T, sinh ngày 23/6/2015 cho anh N.B.T.A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N.B.T.A không yêu cầu chị N.T.T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N.T.T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị N.T.T và anh N.B.T.A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N.T.T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009908 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Chị T. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện HĐ;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- UBND xã SP;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

